

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN M Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH L

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Ngọc B.
- Ông Nguyễn Ngọc Nh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 49/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc K, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện M, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành K1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện M, tỉnh L.

Bà K1 có mặt; ông K1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc K trình bày:

Bà Lê Thị Ngọc K và ông Nguyễn Thành K1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều mặt, thường xuyên bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là do ông K1 thường xuyên bài bạc, nhậu nhẹt say sấn, không lo

làm ăn. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Bà K1 đã từng đưa đơn ra ly hôn rồi sau đó rút đơn để cho cơ hội ông K1 sửa đổi nhưng ông K1 vẫn không thay đổi.

Bà K1 nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn tình cảm với nhau nên bà K1 yêu cầu được ly hôn. Về con chung, có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lê Kiều V, sinh ngày 28/11/2012, bà K1 yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông K1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bà K1 trình bày việc ông K1 không đồng ý tham gia tố tụng. Bà K1 có đơn xin không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, bà K1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà K1 đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông K1 không đến Tòa án, không có thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Ngọc K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành K1 nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông K1 cư trú tại xã T, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông K1: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông K1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông K1.

[3]. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc K và ông Nguyễn Thành K1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh L nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của bà K1:

[4.1]. Về yêu cầu ly hôn: Từ khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông K1 không đến Tòa án mà không có lý do, thể hiện ý chí ông K1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Bà K1 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K1 thường xuyên bài bạc, nhậu nhẹt say sấn, không lo làm ăn. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Bà K1 đã từng đưa đơn ra ly hôn rồi sau đó rút đơn để cho cơ hội ông K1 sửa đổi nhưng ông K1 vẫn không thay đổi. Bà K1 xác định không còn tình cảm với ông K1 và cương quyết ly hôn. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà K1 và ông K1 là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều

51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K1 đối với ông K1.

[4.2]. Về con chung: Bà K1 trình bày do nhầm lẫn nên trong đơn khởi kiện bà K1 đã ghi là bà K1 đồng ý để ông K1 trực tiếp nuôi con chung, bà K1 không cấp dưỡng nuôi con chung. Nay bà K1 xác định lại là yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông K1 cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Nguyễn Lê Kiều V, sinh ngày 28/11/2012 có nguyện vọng sống cùng với bà K1. Ông K1 không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà K1.

[4.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà K1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện nên ông K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà K1 trình bày không có, ông K1 không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà K1 về việc không có tài sản chung, nợ chung.

[5]. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc K phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc K đối với ông Nguyễn Thành K1.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc K được ly hôn với ông Nguyễn Thành K1.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Kiều V, sinh ngày 28/11/2012, hiện đang sống với bà K.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thành K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Lê Thị Ngọc K về việc không có tài sản chung, nợ chung.

6. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc K phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai số 0002860 ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà K đã nộp đủ án phí.

7. Bà Lê Thị Ngọc K có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thành K1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

8. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1